

Số: **429/2023/QĐST-HNGĐ**

Long Biên, ngày 06 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 379/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ * phường P, quận L, TP H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chính H, sinh năm 1972

HKTT: Xã N, huyện N, tỉnh N

Trú tại: Tổ * phường P, quận L, TP H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2017;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án HNGĐ thụ lý số: 379/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diệu T và anh Nguyễn Chính H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 11/05/2011 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N cấp cho chị Nguyễn Thị Diệu T và anh Nguyễn Chính H không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Hai bên xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A,

sinh ngày 17/07/2005.

Cháu Đức A đã đủ 18 tuổi, đủ khả năng lao động, việc ở với ai là quyền của cháu tự quyết định, nên Tòa án không xem xét, giải quyết

- **Về tài sản chung:** Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh chị cam kết không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp, anh chị tự chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Diệu T và anh Nguyễn Chính H mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu cả án phí. Chị T phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội theo biên lai số: AA/2020/0066164 ngày 16/8/2023. Nay chị T được trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS quận Long Biên;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh N (Số vào sổ ĐKKH: 23 ngày 11/05/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
Thẩm phán

Lý Thị Tường Nga